

UY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1317/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 5 năm 2014

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH SƠN LA**  
Số đến: 1744  
Ngày đến: 02/6/2014  
Chuyển:

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh mở rộng Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025

### UY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12, ngày 17/6/2009.

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, và quản lý quy hoạch đô thị.

Căn cứ Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Sơn La đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 834/QĐ-UB ngày 27/5/1999 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Quy hoạch chung điều chỉnh mở rộng thị trấn huyện lỵ Sông Mã;

Căn cứ Quyết định 1824/QĐ-UBND ngày 23/8/2013 về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, giai đoạn 2013-2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 425/TTr-SXD ngày 24/4/2014,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án điều chỉnh mở rộng Quy hoạch chung thị trấn Sông Mã huyện Sông Mã-tỉnh Sơn La đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 với các nội dung chính sau:

**Tên đồ án:** Điều chỉnh mở rộng Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

(Có hồ sơ kèm theo).

**Chủ đầu tư:** UBND huyện Sông Mã.

**Đơn vị tư vấn lập quy hoạch:** Viện Quy hoạch Xây dựng Phát triển Nông thôn - Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn - BXD *Minh*.

## **A. Nội dung chính của đồ án:**

### **I. Ranh giới, Quy mô, tính chất, chức năng:**

#### **1. Ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch:**

- + Phía Đông giáp bản Quyết Tiến xã Nà Nghịu và xã Chiềng Khoong.
- + Phía Tây giáp bản Nà Nghịu 1, bản Nà Nghịu 2, bản Trại Giồng, bản Hưng Mai - xã Nà Nghịu.
- + Phía Nam giáp bản Lê Hồng Phong, bản Quyết Thắng - xã Nà Nghịu.
- + Phía Bắc giáp bản Phòng Sài, xã Nà Nghịu.

#### **2. Quy mô, tính chất, chức năng:**

##### **2.1 Quy mô:**

- Quy mô dân số: Năm 2020: 2,5 vạn người. Tầm nhìn đến năm 2025: 3,4 vạn người.
- Quy mô đất đai: Năm 2020 là 422,39 ha, Tầm nhìn đến năm 2025: 504ha.

##### **2.2 Tính chất, chức năng:**

- Là đô thị hạt nhân phía tây của tỉnh Sơn La với chức năng là trung tâm giao lưu Kinh tế - Văn hoá xã hội của vùng biên giới Việt - Lào.
- Là trung tâm Hành chính- Chính trị; Kinh tế - Văn hoá xã hội của huyện Sông Mã, có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng .

## **II. Quy hoạch sử dụng đất và định hướng kiến trúc:**

### **1. Hướng chọn đất phát triển**

Phát triển mở rộng địa giới hành chính đô thị về 3 hướng của thị trấn (toàn bộ phần mở rộng thuộc địa bàn xã Nà Nghịu) như sau:

- Hướng dọc trục QL 4G về phía nam của thị trấn đi cửa khẩu Chiềng Khương và TP. Sơn La (thuộc các bản Lê Hồng Phong, Quyết Thắng, Quyết Tiến).
- Hướng dọc trục QL 4G về phía bắc của thị trấn (1 phần của bản Phòng Sài).
- Hướng dọc trục QL 4G qua cầu cứng về phía nam đi Sốp Cộp (thuộc các bản Năng Cầu, Hương Mai, Trại Giồng).
- Hướng dọc trục đường liên xã về phía Tây của sông Mã (thuộc bản Nà Nghịu II và 1 phần Nà Nghịu I).

### **2. Tổ chức không gian đô thị**

Phát triển đô thị dựa theo đặc thù vùng Tây Bắc với địa hình dạng thung lũng. Các công trình xây dựng ở tầm cao thấp. Không gian thiết kế theo hướng mở.

- Hình thức kiến trúc trong đô thị: Định hướng phát triển thống nhất theo phong cách hiện đại, đậm bản sắc dân tộc.

- Định hướng tầm nhìn đến năm 2025: Trong giai đoạn tiếp theo, hướng phát triển của thị trấn về phía nam trên địa bàn xã Huổi Một (gồm bản Kéo và bản Pá Công) và xã Chiềng Khoong (bản Hải Sơn).

### 3. Quy hoạch sử dụng đất đai khu dân cư đô thị

TT	Hạng mục	Quy hoạch		
		Giai đoạn đến năm 2020		
		Diện tích (Ha)	Tỷ lệ (%)	Bình quân (m <sup>2</sup> /ng)
	<b>Tổng DT đất trong phạm vi quy hoạch</b>	<b>504,10</b>	<b>100</b>	
	- Đất xây dựng đô thị	422,39	83,79	
	- Đất khác	81,71	16,21	
<b>I</b>	<b>Tổng diện tích đất xây dựng đô thị</b>	<b>422,39</b>	<b>100</b>	<b>168,96</b>
<b>1.1</b>	<b>Đất dân dụng</b>	<b>216,15</b>	<b>51,17</b>	<b>86,46</b>
1.1.1	Đất các đơn vị ở	144,27	34,16	57,71
1.1.2	Đất công trình công cộng	13,40	3,17	5,36
1.1.3	Đất giao thông đối nội	51,00	12,07	20,40
1.1.4	Đất cây xanh - thể dục thể thao	7,48	1,77	3,00
<b>1.2</b>	<b>Đất ngoài dân dụng</b>	<b>206,24</b>	<b>48,83</b>	<b>82,50</b>
1.2.1	Đất các cơ quan, công trình công cộng phục vụ chung đô thị	26,27	6,22	10,51
1.2.2	Đất giao thông đối ngoại	21,72	5,14	8,69
1.2.3	Đất thương mại dịch vụ	6,02	1,43	2,41
1.2.4	Đất công trình đầu mối	1,49	0,35	0,60
1.2.5	Đất an ninh quốc phòng	2,03	0,48	0,81
1.2.6	Đất công nghiệp, TTCN	15,54	3,68	6,22
1.2.7	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	9,29		
1.2.8	Đất cây xanh công viên, vườn hoa	67,94		
1.2.9	Đất dự trữ xây dựng đô thị	28,69		
1.2.10	Đất cây xanh cảnh quan	27,24		
<b>II</b>	<b>Đất khác trong khu vực nghiên cứu</b>	<b>81,71</b>		
2.1	Đất nông nghiệp			
2.2	Đất lâm nghiệp			
2.3	Đất sông suối, mặt nước	81,71		
2.4	Đất chưa sử dụng			

### 4. Quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật

#### **4.1 San nền, thoát nước mưa**

##### **a. San nền:**

- Xử lý, san lấp cục bộ phù hợp với địa hình hiện trạng và các công trình đã xây dựng, cân bằng đào đắp tại chỗ.

- Tôn trọng địa hình tự nhiên, hạn chế tới mức tối đa việc san lấp. Các khu vực san lấp lớn giạt cấp, các cấp liên hệ với nhau bằng mái ta luy với hệ số tối đa  $m = 1/1,5$ .

- Giữ nguyên địa hình tự nhiên tại các khu vực không tổ chức xây dựng.

##### **b. Giải pháp thoát nước mưa:**

- Lưu vực 1: Phía Đông có diện tích khoảng 320ha.

- Lưu vực 2: Phía Tây có diện tích khoảng 280 ha.

- Trục tiêu chính là Sông Mã.

##### **c. Tầm nhìn đến 2025.**

Đến năm 2025 đô thị Sông Mã phát triển chủ yếu về phía Nam. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng trong khu vực bao gồm các công tác chính sau:

- Kè bảo vệ bờ nam sông Mã đoạn chảy qua bản Hải Sơn – xã Chiềng Khoong, bản Kéo và bản Pá Công – xã Huổi Một; kè 2 bên bờ suối Nậm Công đoạn chảy qua bản Kéo – xã Huổi Một.

- Nạo vét khơi thông các khe suối cạn trong khu vực.

#### **4.2 Giao thông**

##### **a. Giao thông đối ngoại:**

- Đường số 1A (QL4G): Quy mô chỉ giới đường đỏ 18,5m, lòng đường 10,5m, vỉa hè 2x4m.

- Đường số 2, 3A (QL4G): Quy mô chỉ giới đường đỏ: 18,5m, lòng đường 10,5m, vỉa hè 2x4m.

- Đường số 4A, 4C (QL4G): Quy mô chỉ giới đường đỏ: 18,5m, lòng đường 10,5m, vỉa hè 2x4m.

- Đường số 5A (QL4G): Quy mô chỉ giới đường đỏ: 20,5m, lòng đường 10,5m, vỉa hè 2x5m.

- Đường số 5B (TL115): Quy mô chỉ giới đường đỏ: 20,5m, lòng đường 10,5m, vỉa hè 2x5m.

+ Đường số 1B (QL4G): Quy mô chỉ giới đường đỏ: 20,5m, lòng đường 10,5m, vỉa hè 2x5m.

+ Đường số 6A, 7A (TL113): Quy mô chỉ giới đường đỏ: 20,5m, lòng đường 10,5m, vỉa hè 2x5m.

##### **b. Giao thông chính đô thị**

- Trục dọc chính đô thị: Quy mô chỉ giới đường đỏ 18,5m, lòng đường 10,5m, vỉa hè 2x4m.

- Trục ngang chính đô thị: Quy mô chỉ giới đường đỏ 18,5m, lòng đường 10,5m, vỉa hè 2x4m.

- Trục ngang chính đi bộ: quy mô chỉ giới đường đỏ 13m = 7m+2x3m0 (Đ.8A), 23m = 7m+2x8m.

- Đường liên khu vực: quy mô chỉ giới đường đỏ 13m (= 7m+2x3m) – 16,5m (= 10,5m+2x3m).

- Đường chính khu vực: quy mô chỉ giới đường đỏ 13m (= 7m+2x3m) – 16.5m (= 10,5m+2x3m).

c. Bến xe khách đối ngoại: 01 vị trí tại cửa ngõ phía nam thị trấn, tại bản Quyết Tiến, diện tích 5000m<sup>2</sup>.

d. Bãi đỗ xe:

- Bố trí 02 bãi đỗ xe phù hợp với Quy hoạch kết cấu hạ tầng hỗ trợ vận tải đường bộ tỉnh Sơn La đến năm 2020.

e. Giao thông đường thủy sông Mã:

Xây dựng kè dọc 2 bên bờ sông, cải tạo dòng chảy sao cho các thuyền nhỏ có thể đi lại được theo từng đoạn nhằm khai thác du lịch trên sông theo từng đoạn, bố trí một số vị trí lên xuống tại gần khu vực các cầu qua sông Mã.

g. Giao thông tầm nhìn đến năm 2025

- Giao thông đối ngoại:

+ Xây dựng đoạn QL4G qua sông Mã kết nối bằng 01 cầu BTCT về phía cuối thị trấn, không đi qua trung tâm thị trấn.

+ Đường vành đai thị trấn: bề rộng nền đường 13m, lòng đường 7m, lề đường 2x3m, hành lang ATGT 2x10m theo quy mô đường cấp Vmn.

+ Bến xe khách huyện dự kiến tại vị trí mới Km87+200 QL4G nằm ở phía Nam thị trấn, tại bản Quyết Tiến, diện tích 5000 m<sup>2</sup>.

- Giao thông đô thị: (khu dân cư mới dự kiến giai đoạn 2020-2025)

+ Tuyến trục chính kết nối QL4G với khu dân cư phía Nam: quy mô chỉ giới đường đỏ 20,5m. Xây dựng 01 cầu BTCT kết nối tuyến trục chính với QL4G.

+ Tuyến đường liên khu vực: quy mô chỉ giới đường đỏ 18,5m. Xây dựng 01 cầu BTCT kết nối tuyến đường liên khu vực với QL 4G.

+ Đường chính khu vực: quy mô chỉ giới đường đỏ 13m. Nâng cấp 01 cầu treo Hải Sơn.

### 4.3 Cấp nước

- Nguồn nước: sử dụng nhà máy cấp nước thị trấn đang khai thác nước sông Mã, công suất thiết kế 2.400 m<sup>3</sup>/ng.đ, công suất hoạt động 1.600 đến 1.700 m<sup>3</sup>/ng.đ.

- Mạng lưới phân phối: ~~...~~

+ Trước mắt, cải tạo và nâng cấp mạng đường ống hiện có phục vụ các nhu cầu hiện nay. Đến năm 2020, xây dựng mạng đường ống cấp nước mới, trừ các tuyến ống  $\Phi 110 - \Phi 200$  dọc Quốc lộ 4G.

+ Mạng đường ống xây dựng mới có kích thước từ  $\Phi 110 - \Phi 200$  đưa nước sạch đến các khu dân cư và công trình công cộng.

+ Lắp đặt 48 trụ cứu hoả trên các đoạn ống  $\Phi 110 - \Phi 200$ , bán kính phục vụ của các họng cứu hoả 150m. Sử dụng hệ thống cứu hoả áp lực thấp.

- Tầm nhìn đến năm 2025: Trạm bơm nước thô khai thác nước sông Mã sẽ được tăng công suất, đạt 7.700 m<sup>3</sup>/ng.đ. Mạng lưới đường ống cấp nước sẽ được lắp đặt đến các khu vực mở rộng.

#### **4.4 Cấp điện**

a. Nguồn: Xây dựng trạm 110/35/22kV công suất 25MVA cung cấp cho khu vực nghiên cứu và huyện Sông Mã, huyện Sốp Cộp trong tương lai.

b. Lưới điện:

- Đầu nối lộ 371 và lộ 382 hiện có vào trạm 110/35/22kV dự kiến để tạo nguồn điện mới cấp điện cho các trạm biến áp hiện có.

- Xây dựng tuyến cáp ngầm 35kV để cấp điện cho các trạm biến áp xây dựng mới.

- Xây dựng tuyến cáp ngầm 35kV đoạn đi qua thị trấn để bổ sung nguồn cấp điện từ các nhà máy thủy điện Nậm Mẩn và Nậm Công.

- Lưới hạ áp 0,4kV: Đối với các tuyến 0,4 kV hiện có cần cải tạo lại để đảm bảo chất lượng điện năng. Mạng lưới 0,4 kV xây dựng mới bố trí đi ngầm. Các tuyến đường dây 0,4 KV trực chính không dài quá 400m. Lưới 0,4 kV tổ chức theo mạng hình tia dùng cáp ngầm.

- Lưới chiếu sáng.

#### **5. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc**

##### **5.1. Bưu chính**

Nâng cấp cải tạo điểm bưu điện huyện hiện có đáp ứng nhu cầu phục vụ cho dân cư khu vực phía đông thị trấn. Mở rộng phạm vi phục vụ bằng việc mở các điểm đại lý bưu điện, phát triển thêm 1 điểm đại lý bưu điện tại bản Hung Mai phục vụ cho dân cư khu vực phía tây thị trấn.

##### **5.2. Viễn thông**

Giữ nguyên các trạm phát sóng của các mạng hiện hữu.

#### **6. Thoát nước bản và vệ sinh môi trường**

##### **6.1. Thoát nước bản**

- Xây dựng 04 trạm bơm nước thải.

- Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ng.đ tại bản Quyết Tiến, giáp khu công nghiệp dự kiến.

##### **6.2. Vệ sinh môi trường**

- Bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Sông Mã đặt tại bản Cò Kiêng - xã Huổi Một có diện tích 5,78 ha. Trong tương lai sẽ xây dựng nhà máy chế biến rác, sản xuất phân bón.

### 6.3. Nghĩa trang nghĩa địa

- Dự kiến đến năm 2020 sẽ sử dụng nghĩa địa tập trung tại bản Trại Giồng. Đóng cửa, không chôn cất tại các nghĩa địa nhỏ lẻ tại các bản trong khu xây dựng đô thị tập trung.

- Sau năm 2020 dự kiến sẽ quy hoạch một nghĩa địa mới cho thị trấn tại bản Sào Và – xã Nà Nghịu, cách trung tâm thị trấn khoảng 6,0 km với diện tích 6,50 ha.

### 7. Các giải pháp bảo vệ môi trường.

- Giải pháp bảo vệ môi trường đất:
- Giải pháp bảo vệ môi trường không khí, tiếng ồn:
- Giải pháp bảo vệ môi trường nước:
- Giải pháp bảo vệ môi trường do chất thải rắn:
- Các giải pháp quản lý môi trường:

### 8. Danh mục sản phẩm:

ST T	TÊN BẢN VẼ	TỈ LỆ
1	Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng	1/25.000
2	Các bản đồ hiện trạng gồm: hiện trạng sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, giao thông, cấp điện và chiếu sáng đô thị, cấp nước, cao độ nền và thoát nước, đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất xây dựng.	1/2.000
3	Sơ đồ định hướng phát triển không gian đô thị	1/2.000
4	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng theo các giai đoạn quy hoạch	1/2.000
5	Các bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường (cấp điện, cấp nước, giao thông, thoát nước, san nền...).	1/2.000
6	Các bản đồ liên quan đến thiết kế đô thị, phối cảnh	1/2.000
7	Thuyết minh tổng hợp, các bản vẽ A3 kèm theo	

### III. Kinh tế xây dựng

- Tổng kinh phí dự kiến khoảng 2.761 tỷ đồng.
- Nguồn vốn được phân bổ như sau:

TT	Hạng mục	Nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Nguồn vốn đầu tư			
			Vốn ngân sách và sự nghiệp KT	Vốn doanh nghiệp và các tổ chức khác	Vốn do dân đóng góp	Vốn khác
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2761,32</b>	<b>1656,79</b>	<b>690,33</b>	<b>138,07</b>	<b>276,13</b>

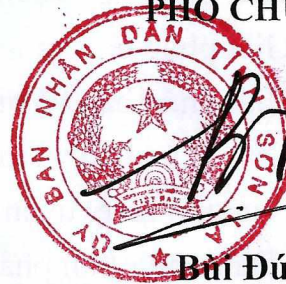
**Điều 2.** Giao Chủ đầu tư phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn thiện hồ sơ được duyệt (có dấu xác nhận thẩm định của các cơ quan liên quan), chuyển giao cho các cơ quan quản lý cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định hiện hành. Tổ chức công bố công khai đề án quy hoạch, cấm mốc giới quy hoạch và ban hành điều lệ quản lý quy hoạch. Triển khai lập quy hoạch chi tiết theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Công thương; Chủ tịch UBND huyện Sông Mã; thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- TT Tỉnh uỷ, HĐND (b/c);
- TT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT - Châu (20b) *Châu*.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Bùi Đức Hải*  
**Bùi Đức Hải**